BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO

ĐIỀU TRA LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM VIỆT NAM NĂM 2010

HÀ NỘI, 6 - 2011

GIỚI THIỆU

Ngày 25 tháng 2 năm 2010, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định và Phương án điều tra Lao động và Việc làm năm 2010. Đây là cuộc điều tra chọn mẫu được tiến hành 2 kỳ trong năm 2010 nhằm thu thập các thông tin phản ánh nguồn lao động và tình hình sử dụng thời gian lao động.

Báo cáo này trình bày những kết quả chủ yếu của cuộc Điều tra lao động và việc làm do Tổng cục Thống kê tiến hành trong tháng 4 và tháng 10 năm 2010 nhằm thu thập các thông tin cơ bản về thị trường lao động năm 2010 có tính so sánh với số liệu các cuộc điều tra lao động - việc làm hàng năm trước đây của Tổng cục Thống kê phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Cuộc điều tra còn phục vụ việc giám sát ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay lên thị trường lao động nước ta. Các thông tin thu thập đại diện được cho cả nước, khu vực thành thị và nông thôn, 6 vùng kinh tế - xã hội sau mỗi kỳ điều tra và 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đối với cả 2 kỳ điều tra.

Báo cáo này cung cấp tối đa các thông tin cho người sử dụng. Phần 1 mô tả những vấn đề kỹ thuật của cuộc điều tra; Phần 2 trình bày kết quả mẫu cùng những số liệu phân tích chủ yếu và Phần 3 bao gồm các biểu số liệu cơ bản nhất. Số liệu chi tiết hơn khi cần thiết có thể tổng hợp được từ cơ sơ dữ liệu vi mô của cuộc điều tra. Tổng cục Thống kê hy vọng báo cáo này sẽ đáp ứng được những yêu cầu thông tin cơ bản của những người làm công tác nghiên cứu hoạch định chính sách kinh tế - xã hội, đặc biệt là những người làm công tác liên quan đến vấn đề lao động và việc làm.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng trong quá trình điều tra và biên soạn số liệu không tránh khỏi những sai sót, Tổng cục Thống kê mong nhận được những ý kiến góp ý của bạn đọc. Ý kiến góp ý xin gửi về Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê, số 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

MỤC LỤC

Giới thiệu iii
Mục lục v
Các chỉ tiêu chủ yếu xiii

PHẦN 1: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, THIẾT KẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN 1

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CUỘC ĐIỀU TRA 3
1. Mục đích và yêu cầu của cuộc điều tra 3
2. Nội dung điều tra 3
3. Tuyển chọn và huấn luyện cán bộ điều tra 4
4. Tổ chức điều tra và giám sát chất lượng 5
5. Xử lý số liệu 5
6. Tính toán sai số mẫu 6

II. THIẾT KẾ VÀ ƯỚC LƯỢNG MẪU 9
1. Dàn chọn mẫu 9
2. Xác định cỡ mẫu và phân bổ mẫu 9
3. Ước lượng mẫu 9

III. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ KHÁI NIỆM 13
1. Sơ đồ khái niệm 13
2. Các định nghĩa và khái niệm 13

PHẦN 2: KẾT QUẢ CHỦ YẾU 21

I. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG 23
1. Quy mô và phân bố lực lượng lao động 23
2. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 24
3. Đặc trưng của lực lượng lao động 26

II. VIỆC LÀM 29
1. Tỷ số việc làm trên dân số 29
2. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo 30
3. Cơ cấu lao động có việc làm theo nghề nghiệp 31
4. Cơ cấu lao động có việc làm theo ngành kinh tế 33
5. Cơ cấu lao động có việc làm theo loại hình kinh tế 36
6. Cơ cấu lao động có việc làm theo vị thế việc làm 38
7. Thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương 39
8. Số giờ làm việc bình quân/tuần 42

III. THẤT NGHIỆP 43
1. Một số đặc trưng của người thất nghiệp 43
2. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động 45
3. Cách thức tìm việc của những người thất nghiệp trong tuổi lao động 48

IV. DÂN SỐ KHÔNG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 50

PHẦN 3: CÁC PHỤ LỤC 53
Phụ lục 1: Các bảng tính sai số mẫu 55
Phụ lục 2: Phân bổ phạm vi điều tra mẫu chi tiết 111
Phụ lục 3: Phiếu điều tra 113

PHẦN 4: CÁC BIỂU SỐ LIỆU 129
Biểu 1a: Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo tình trạng hoạt động kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 131
Biểu 1b: Phân bố dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo tình trạng hoạt động kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 140
Biểu 2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 149

Biểu 3: Phân bố lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 152
Biểu 4: Phân bố lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 155
Biểu 5: Tỷ số việc làm trên dân số của dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 159
Biểu 6: Phân bố lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo nghề nghiệp, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 162
Biểu 7: Phân bố lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo ngành kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 166
Biểu 8: Phân bố lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo loại hình kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội. 173
Biểu 9: Phân bố lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo vị thế việc làm, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 175
Biểu 10: Thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 177
Biểu 11: Số giờ làm việc bình quân/tuần của lao động từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 180
Biểu 12: Tỷ lệ thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố..... 183
Biểu 13: Tỷ lệ thiếu việc làm từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 186
Biểu 14: Tỷ lệ thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội..... 189
Biểu 15: Phân bố thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên chia theo cách thức tìm việc/xin việc, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 192
Biểu 16: Phân bố người không hoạt động kinh tế từ 15 tuổi trở lên chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 196

Biểu 17a: Dân số trong tuổi lao động chia theo tình trạng hoạt động kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 199

Biểu 17b: Phân bố dân số trong tuổi lao động chia theo tình trạng hoạt động kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 208

Biểu 18: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động trong tuổi lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 217

Biểu 19: Phân bố lực lượng lao động trong tuổi lao động chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội..... 220

Biểu 20: Phân bố lực lượng lao động trong tuổi lao động chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 222

Biểu 21: Tỷ số việc làm trên dân số của dân số trong tuổi lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 226

Biểu 22: Phân bố lao động trong tuổi lao động chia theo nghề nghiệp, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 229

Biểu 23: Phân bố lao động trong tuổi lao động chia theo ngành kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội. 233

Biểu 24: Phân bố lao động trong tuổi lao động chia theo loại hình kinh tế, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội. 240

Biểu 25: Phân bố lao động trong tuổi lao động chia theo vị thế việc làm, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội..... 242

Biểu 26: Thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương trong tuổi lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố..... 244

Biểu 27: Số giờ làm việc bình quân/tuần của lao động trong tuổi lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 247

Biểu 28: Tỷ lệ thất nghiệp trong tuổi lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố..... 250

Biểu 29: Tỷ lệ thiếu việc làm trong tuổi lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố 253

Biểu 30: Tỷ lệ thất nghiệp trong tuổi lao động chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 256

Biểu 31: Phân bố thất nghiệp trong tuổi lao động chia theo cách thức tìm việc/xin việc, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội..... 258

Biểu 32: Phân bố người không hoạt động kinh tế trong tuổi lao động chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội 262

CÁC BIỂU PHÂN TÍCH

Biểu 1.1: Số lượng và phân bố lực lượng lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010..... 24

Biểu 1.2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010 25

Biểu 1.3: Tỷ trọng lực lượng lao động đã qua đào tạo chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010..... 27

Biểu 1.4: Tỷ trọng lực lượng lao động đã qua đào tạo chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật thời kỳ 2007-2010..... 28

Biểu 2.1: Tỷ trọng lao động đang làm việc đã qua đào tạo chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010 30

Biểu 2.2: Số lượng và phân bố lao động có việc làm chia theo giới tính và nghề nghiệp năm 2010 31

Biểu 2.3: Tỷ trọng lao động có việc làm chia theo nhóm tuổi và nghề nghiệp năm 2010 32

Biểu 2.4: Phân bố lao động có việc làm chia theo khu vực kinh tế thời kỳ 2000-2010..... 33

Biểu 2.5: Phân bố lao động có việc làm chia theo giới tính và ngành kinh tế năm 2010..... 35

Biểu 2.6: Tỷ trọng lao động có việc làm chia theo nhóm tuổi và ngành kinh tế năm 2010 36

Biểu 2.7: Số lượng và tỷ trọng lao động có việc làm chia theo loại hình kinh tế thời kỳ 2007-2010 37

Biểu 2.8: Phân bố lao động có việc làm chia theo giới tính và loại hình kinh tế năm 2010 37

Biểu 2.9: Tỷ trọng lao động có việc làm chia theo nhóm tuổi và loại hình kinh tế năm 2010 38

Biểu 2.10: Tỷ trọng lao động có việc làm chia theo vị thế việc làm năm 2010..... 38

Biểu 2.11: Tỷ trọng lao động có việc làm chia theo vị thế việc làm và nhóm tuổi năm 2010 39
Biểu 2.12: Thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương chia theo giới tính và trình độ CMKT cao nhất đạt được năm 2010 40
Biểu 2.13: Thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương chia theo giới tính và ngành kinh tế năm 2010 41
Biểu 2.14: Thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương chia theo giới tính và nhóm nghề nghiệp năm 2010 42
Biểu 2.15: Số giờ làm việc bình quân/tuần chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010 43
Biểu 3.1: Số người thất nghiệp và phân bố thất nghiệp chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và nhóm tuổi năm 2010 44
Biểu 3.2: Phân bố thất nghiệp chia theo giới tính và bậc học cao nhất đã đạt được năm 2010 45
Biểu 3.3: Tỷ lệ thiếu việc làm chia theo thành thị/nông thôn, giới tính và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010 46
Biểu 3.4: Tỷ lệ thất nghiệp chia theo thành thị/nông thôn, giới tính và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010 46
Biểu 3.5: Tỷ lệ thất nghiệp chia theo thành thị/nông thôn, giới tính và nhóm tuổi năm 2010 47
Biểu 3.6: Tỷ lệ thất nghiệp chia theo thành thị/nông thôn, giới tính và trình độ CMKT cao nhất đạt được năm 2010 48
Biểu 3.7: Tỷ trọng thất nghiệp trong tuổi lao động chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và cách thức tìm việc năm 2010 49
Biểu 3.8: Tỷ trọng thất nghiệp trong tuổi lao động chia theo thành thị/nông thôn, giới tính và cách thức tìm việc năm 2010 49
Biểu 4.1: Phân bố dân số không hoạt động kinh tế chia theo thành thị/nông thôn, giới tính và lý do không làm việc năm 2010 51
Biểu 4.2: Phân bố dân số không hoạt động kinh tế chia theo giới tính và trình độ CMKT năm 2010 51

CÁC HÌNH PHÂN TÍCH

Hình 1.1: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đặc trưng theo tuổi và giới tính năm 2010 26

Hình 1.2: Tỷ trọng lực lượng lao động chia theo nhóm tuổi và nơi cư trú năm 2010 27

Hình 1.3: Tỷ trọng lực lượng lao động đã qua đào tạo chia theo thành thị/nông thôn và giới tính năm 2010..... 28

Hình 2.1: Tỷ số việc làm trên dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010..... 30

Hình 2.2: Tỷ trọng lao động có việc làm chia theo khu vực kinh tế và các vùng kinh tế - xã hội năm 2010 34

Hình 2.3: Thu nhập bình quân/tháng (nghìn đồng) của lao động làm công ăn lương chia theo giới tính và loại hình kinh tế năm 2010 40

Hình 3.1: Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị đặc trưng theo tuổi và giới tính năm 2010..... 48

Hình 4.1: Tỷ lệ dân số không tham gia hoạt động kinh tế đặc trưng theo tuổi và giới tính năm 2010 50